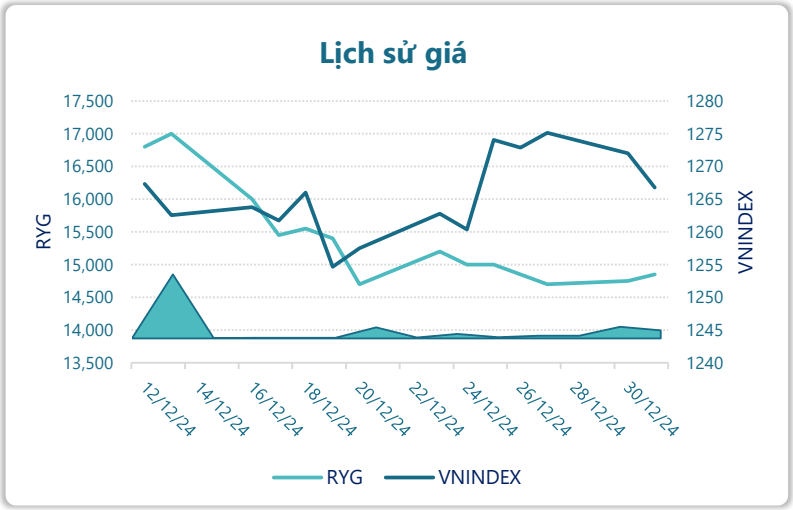
FireAnt

CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (HSX: RYG)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,850**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,700
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	182,989
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	668
P/E	9.4
EPS	1,579

DT thuần

Q4/24

475

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 122| 34.4%

YoY: ▼17.0| -3.6%

LN sau thuế

Q4/24

8.19

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.3| -55.7%

YoY: ▼22.1| -73.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.8%

+/- YoY: ▼ 3.4%

DT thuần

2024

1,636

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 240| 17.2%

LN sau thuế

2024

71.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼30.3| -29.9%

ROE

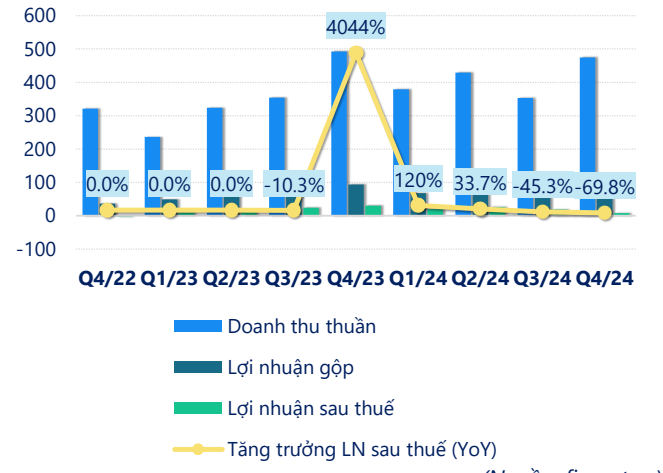
2024

9.5%

+/- YoY: ▼ 7.1%

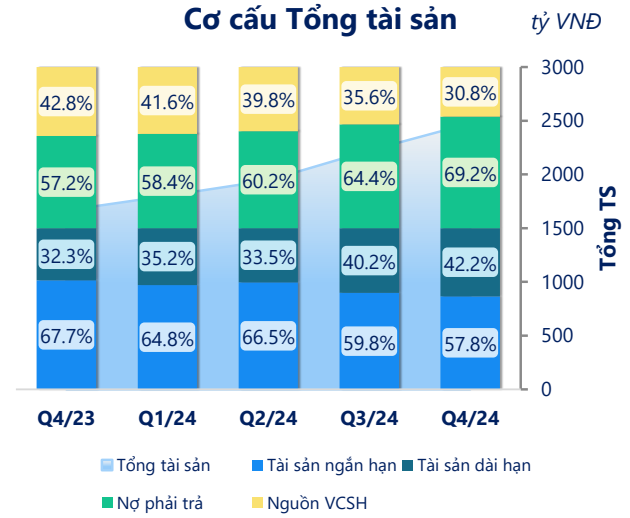
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



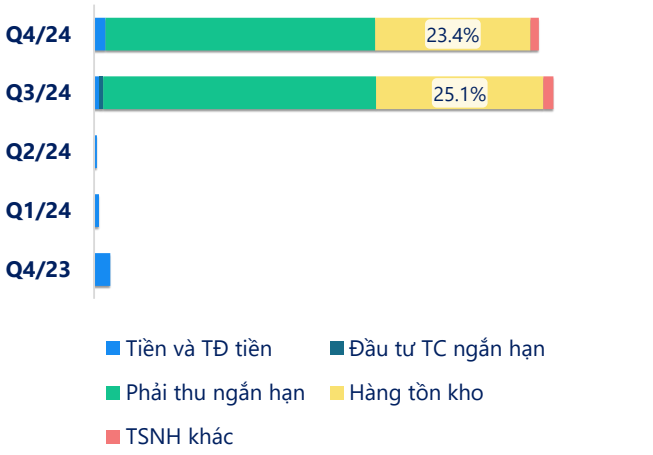
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



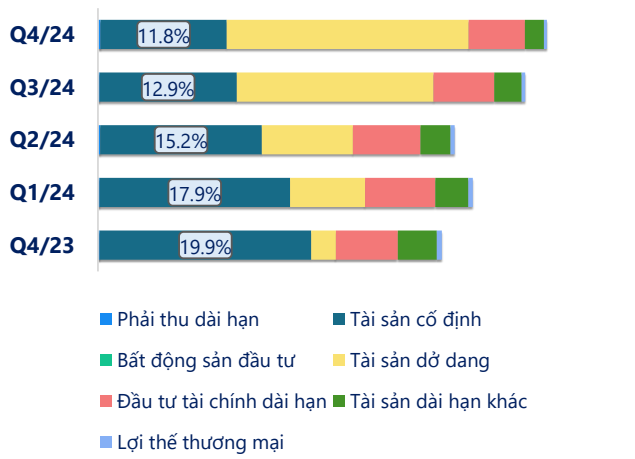
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



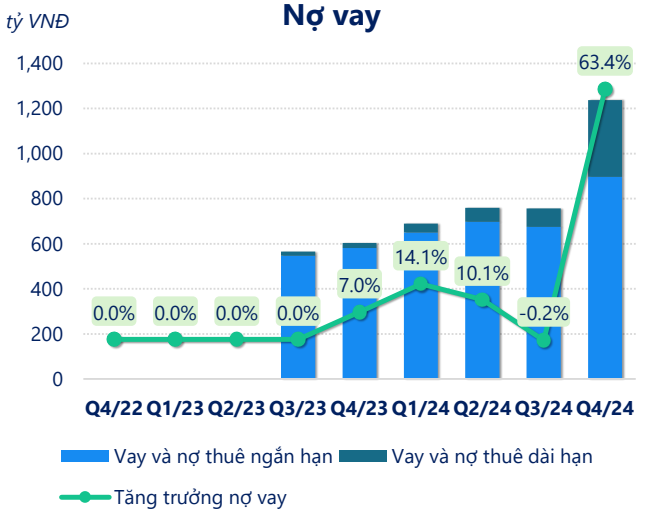
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



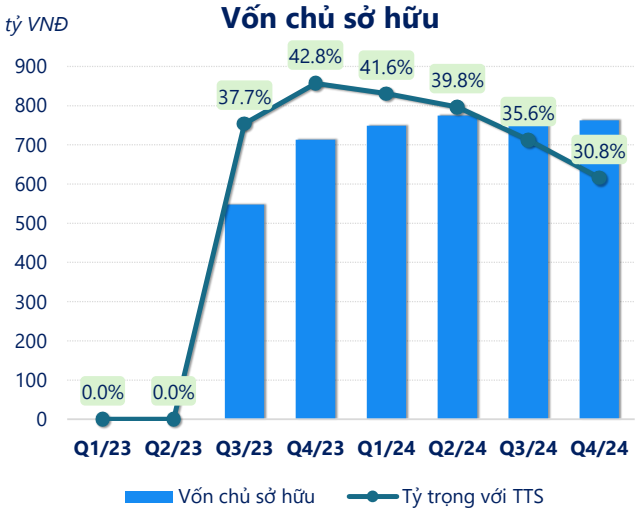
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



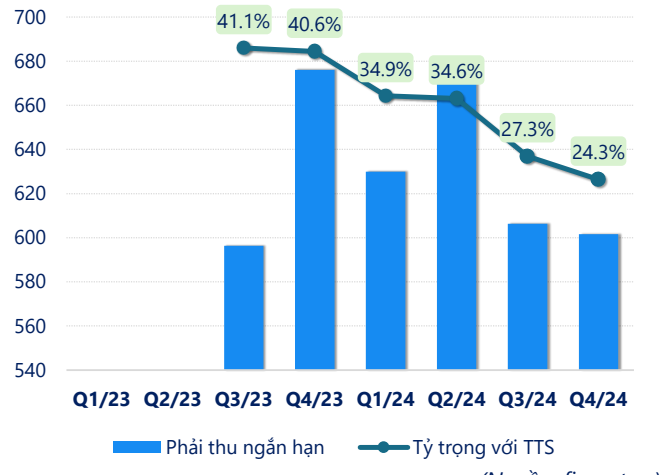
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



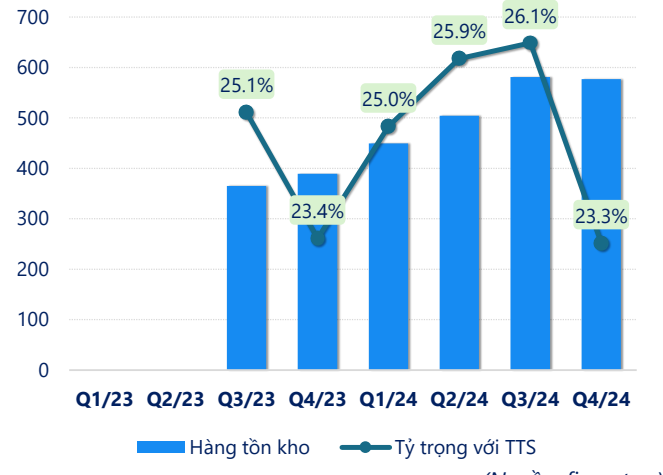
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



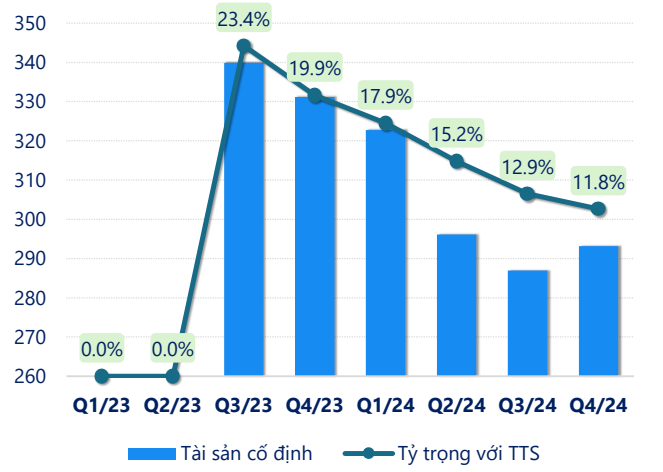
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



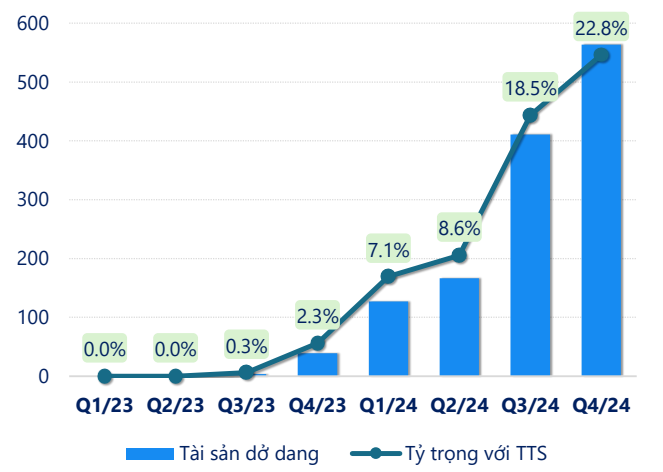
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



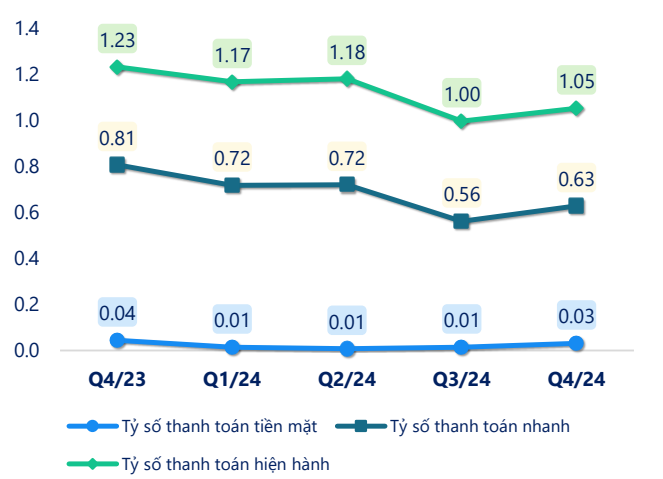
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



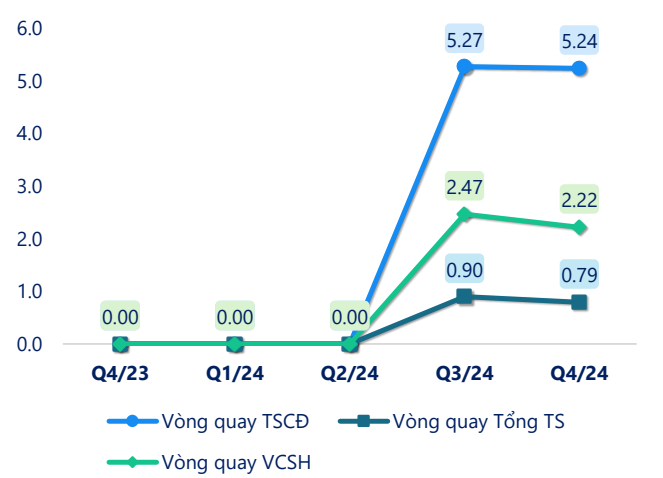
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,665**	**1,802**	**1,946**	**2,223**	**2,476**
Tài sản ngắn hạn	**1,127**	**1,167**	**1,293**	**1,330**	**1,431**
Tiền và tương đương tiền	40.4	13.6	8.59	18.5	42.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	40.7	66.2	91.3	158
Phải thu ngắn hạn	676	630	674	606	602
Hàng tồn kho	389	450	504	581	577
Tài sản ngắn hạn khác	21.1	33.3	40.5	32.9	51.6
Tài sản dài hạn	**539**	**635**	**652**	**893**	**1,045**
Phải thu dài hạn	2.61	2.61	3.92	3.27	6.25
Tài sản cố định	331	323	296	287	293
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	38.9	127	166	411	563
Đầu tư tài chính dài hạn	96.9	119	124	127	131
Tài sản dài hạn khác	61.1	55.8	54.8	57.7	44.0
Lợi thế thương mại	7.86	7.63	7.40	7.17	6.94
Nợ phải trả	**952**	**1,053**	**1,171**	**1,431**	**1,714**
Nợ ngắn hạn	**914**	**999**	**1,095**	**1,334**	**1,359**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	581	649	697	674	896
Phải trả người bán ngắn hạn	207	228	277	514	329
Nợ dài hạn	38.1	54.1	76.0	97.1	355
Vay và nợ thuê dài hạn	23.5	39.6	61.5	82.7	341
Nguồn vốn chủ sở hữu	**713**	**749**	**775**	**792**	**762**
Vốn chủ sở hữu	**713**	**749**	**775**	**792**	**762**
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)